

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
To: - State Securities Commission of Vietnam

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse  
Fund Management Company: Lighthouse Capital Fund Management Joint Stock Company  
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Supervising bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Kỳ Khởi Nghĩa Branch  
3. Tên Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG LIGHTHOUSE  
Fund name: Lighthouse Capital Dynamic Fund  
4. Kỳ báo cáo: Từ 31/12/2024 đến 02/01/2025  
Reporting Period: From 31-Dec-2024 to 02-Jan-2025  
5. Ngày lập báo cáo: 03/01/2025  
Reporting Date: 3-Jan-2025

Đơn vị tính: VND  
Unit: VND

**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value**

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD		KỲ BÁO CÁO TRƯỚC PREVIOUS PERIOD	
		02/01/2025		30/12/2024	
I	Giá trị tài sản ròng (NAV) Net Asset Value				
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net Asset Value at the beginning of period				
1.1	của quỹ/per Fund	60,041,338,806		59,997,203,429	
1.2	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	11,048.17		11,092.90	
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ Net Asset Value at the end of period				
2.1	của quỹ/per Fund	60,302,515,542		60,041,338,806	
2.2	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	11,050.38		11,048.17	
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in which:				
3.1	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period	12,061,159		(243,090,167)	
3.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV related to investors during the period	249,115,577		287,225,544	
3.2.1	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-		-	
3.2.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	249,115,577		287,225,544	
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period	2.21		(44.73)	
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks				
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	60,302,515,542		60,041,338,806	
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	49,687,654,763		49,687,654,763	
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund)				
6.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates	-		-	
6.2	Tổng giá trị/Total value	-		-	
6.3	Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio	0.00%		0.00%	

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN  
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Nguyễn Thị Minh Châu  
Phó Giám đốc Chi nhánh

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Lighthouse  
Nguyễn Lê Đình Quang  
Tổng Giám đốc